

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phân bổ sử dụng nguồn tiết kiệm 5%
chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát
cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ sử dụng nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo;

Căn cứ Công văn số 2246-CV/TU ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phương án phân bổ sử dụng nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3442/TTr-STC ngày 13 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ sử dụng nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng dự toán kinh phí: 127.170 triệu đồng (một trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và nguồn điều chuyển của các địa phương khác hỗ trợ cho tỉnh theo Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ

quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định).

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực X có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm về số đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đối tượng được hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ nhà ở trên địa bàn; đồng thời, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện việc phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí; thực hiện thanh quyết toán theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 7569/STC-TCĐT ngày 11 tháng 12 năm 2024 và các quy định hiện hành của pháp luật.

b) Đối với các địa phương đã đáp ứng đủ nhu cầu chi và không còn đối tượng thuộc diện hỗ trợ, thực hiện nộp về ngân sách tỉnh phần kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên còn dư tại địa phương để hỗ trợ cho các địa phương khác trong tỉnh còn thiếu nguồn kinh phí, theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 2474/STC-QLDP&CS ngày 17 tháng 4 năm 2025.

c) Trên cơ sở danh sách đối tượng được hỗ trợ từ nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024, tổng hợp nhu cầu kinh phí còn thiếu, báo cáo Ban Chỉ đạo các cấp để được hỗ trợ thêm từ nguồn Cuộc vận động tại Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30 tháng 3 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Thông báo số 585-TB/VPTU ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Tỉnh ủy để đảm bảo thống nhất mức hỗ trợ của tỉnh.

d) Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về quyết định của mình.

5. Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Kho bạc Nhà nước khu vực X, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của UBND các huyện, thị xã, thành phố theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ SỬ DỤNG NGUỒN TIẾT KIỂM 5%
CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024 ĐỂ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM,
NHÀ DỌT NÁT CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Địa phương, đơn vị	Dự toán kinh phí phân bổ		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Xây mới	Sửa chữa
	Tổng cộng	127.170	93.960	33.210
1	TP. Thanh Hóa	3.180	2.880	300
2	TP. Sầm Sơn	3.810	3.540	270
3	TX. Bỉm Sơn	1.800	1.140	660
4	TX. Nghi Sơn	4.860	2.940	1.920
5	Hà Trung	3.180	3.120	60
6	Nga Sơn	2.940	2.820	120
7	Hậu Lộc	3.930	3.480	450
8	Hoàng Hóa	2.250	2.040	210
9	Quảng Xương	4.530	4.080	450
10	Nông Cống	1.710	1.320	390
11	Triệu Sơn	2.430	2.280	150
12	Thọ Xuân	3.420	2.520	900
13	Yên Định	4.950	4.740	210
14	Thiệu Hóa	1.200	1.140	60
15	Vĩnh Lộc	1.380	1.080	300
16	Thạch Thành	6.360	4.980	1.380
17	Cẩm Thủy	3.600	2.640	960
18	Ngọc Lặc	9.570	8.460	1.110
19	Như Thanh	1.380	960	420
20	Lang Chánh	23.790	17.040	6.750
21	Bá Thước	10.590	480	10.110
22	Quan Hóa	7.890	6.180	1.710
23	Thường Xuân	11.340	9.360	1.980

TT	Địa phương, đơn vị	Dự toán kinh phí phân bổ		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Xây mới	Sửa chữa
24	Như Xuân	1.440	1.260	180
25	Mường Lát	3.060	3.060	
26	Quan Sơn	2.580	420	2.160